TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 274/2025/HS-PT
Ngày 12 tháng 9 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Huỳnh Đức Chiến – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 441/2025/TLPT-HS ngày 28 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Đức D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng).

Phiên tòa được tiến hành tại hai điểm cầu gồm: Điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng cơ sở 1.

I. Tại điểm cầu trung tâm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức Chiến – Kiểm sát viên.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Bùi Quang C1 và Luật sư Nguyễn Hồng K thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

II. Tại điểm cầu thành phần gồm có:

- *Bị cáo có kháng cáo:* Phạm Đức D, sinh năm 1979 tại: Hải Phòng; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, phường V, quận L, thành phố Hải Phòng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng); chỗ ở: Tổ B, xóm C, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là phường G, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông: Phạm Đức T1, sinh năm 1951và bà: Phạm Thị P, sinh năm 1952; vợ Đào Thị L, sinh năm 1988; có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 22/11/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tuyên phạt 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", ngày 21/9/2018 chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 10/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H ra Quyết định khởi tố bị can Phạm Đức Dũng về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Ngày 11/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T ra Quyết định khởi tố bị can Phạm Đức Dũng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 17/8/2024 đến nay, có mặt.

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Hoàng Tuấn Đ, người bị hại và người liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/5/2011, ông Nguyễn Văn Q (sinh năm 1963, hộ khẩu thường trú (HKTT): khu phố E, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận) là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 (viết tắt là Công ty T8) có trụ sở tại thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận ký hợp đồng gia công 32 tấn mực bạch tuộc đông lạnh với bà Liu Bi Z (quốc tịch Trung Quốc, số hộ chiếu G22393376).

Ngày 21/4/2012, Công ty T8 gia công xong 32 tấn mực bạch tuộc được đóng vào 1.600 bao bì (mỗi bì nặng 20kg). Do cần thuê xe container đông lạnh để vận chuyển nên bà Phạm Thị H1 là vợ ông Q đã liên hệ ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1980, HKTT: số 165/26, Lê Quang S, phường F, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh để thuê xe vận chuyển số hàng trên. Ông T2 không có xe nên đã liên hệ với ông Nguyễn Tất K1, sinh năm 1974, HKTT: số H N, phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để hỏi thuê xe giúp bà H1.

Ông K1 trả lời có biết một người tên T3 có số điện thoại 0948.030.469 (tức Hoàng Tuấn Đ) có xe container chở hàng nên ông K1 cho T2 số điện thoại của Hoàng Tuấn Đ để T2 tự liên hệ. Sau đó, ông T2 cho bà H1 số điện thoại của Hoàng Tuấn Đ để bà H1 tự liên hệ thỏa thuận hợp đồng thuê xe vận chuyển. Bà H1 gọi điện thoại cho Hoàng Tuấn Đ (sinh năm 1983, HKTT: thôn C, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng) qua số điện thoại 0948.030.469 để thuê xe.

Mặc dù, Hoàng Tuấn Đ không có xe nhưng đã nảy sinh ý định chiếm đoạt lô hàng của bà H1 nên nhận lời đồng ý chở hàng cho bà H1. Sau đó, Hoàng Tuấn Đ đến chợ Đ1, Thành phố Hồ Chí Minh để tìm thuê xe container đông lạnh thì gặp ông Mai Việt H2, sinh năm 1971, HKTT: thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là chủ xe container biển kiểm soát 36C-02267 và hợp đồng thuê xe của anh H2 để chở hàng đông lạnh từ thị xã L, tỉnh Bình Thuận đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh với giá thuê xe là 87.000.000 đồng, thì ông H2 đồng ý và hẹn sáng ngày 24/4/2012 sẽ gặp nhau tại Khu công nghiệp S, tỉnh Bình Dương để đi bốc hàng.

Sau khi thuê được xe, Đ liên hệ lại cho bà H1 để hợp đồng chở hàng từ thị xã L, tỉnh Bình Thuận đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 24/4/2012 thì bà

H1 đồng ý và thỏa thuận với Hoàng Tuấn Đ hợp đồng vận chuyển 32 tấn mực bạch tuộc từ thị xã L đến cửa khẩu H3, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh với giá cước vận chuyển là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Sau khi thỏa thuận với bà H1 xong, Hoàng Tuấn Đ điện thoại rủ Phạm Đức D, sinh năm 1979, HKTT: xóm T, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng là bạn bè cùng quê với Đ. Đ rủ D vào Thành phố Hồ Chí Minh để cùng phối hợp với Đ thực hiện hành vi lừa lấy lô hàng mực bạch tuộc đông lạnh của bà H1 để bán sang Trung Quốc lấy tiền tiêu xài thì D đồng ý. Ngày 23/4/2012, Đ mua vé máy bay cho D đi từ Thành phố Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh, khi D đến sân bay T thì Đ ra đón D và đưa D về nhà trọ nghỉ ngơi.

Đến sáng ngày 24/4/2012, Đ và D đi taxi đến Khu công nghiệp S thuộc tỉnh Bình Dương để gặp ông Mai Việt H2 theo thỏa thuận trước đó. Khi đến nơi, Đ nói với D "Cứ nghe theo lời giới thiệu của Đ", D hiểu ý của Đ là cả hai sẽ dùng tên giả để tránh bị phát hiện lai lịch nên đồng ý nghe theo. Tại đây, Đ và D gặp ông Mai Việt H2 và anh Phạm Mạnh T4 (sinh năm 1985, HKTT: khu phố C, thị trấn N, huyện G, tỉnh Nam Định) là tài xế xe container của ông H2, thì Đ tự giới thiệu mình tên là T6 và giới thiệu D tên H2 là Giám đốc Công ty X. Sau đó, cả 4 người lên xe container của ông Mai Việt H2 đi từ tỉnh Bình Dương ra thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Khi xe chạy đến Ngã ba 46 thuộc huyện H, tỉnh Bình Thuận thì Đ nói ông Mai Việt H2 dừng xe tại nhà nghỉ H4 để thuê phòng nghỉ ngơi chờ Công ty đóng hàng xong sẽ vào lấy hàng. Đ thuê 02 phòng nghỉ và sắp xếp ông H2 (chủ xe) và anh T4 (tài xế) ở chung phòng, còn Đ và D ở chung phòng. Tại nhà nghỉ, Đ phân công D ở lại nhà nghỉ với ông H2 còn Đ sẽ cùng với anh T4 vào Công ty T8 để lấy hàng nhằm mục đích không cho chủ hàng và chủ xe gặp nhau để tránh bị phát hiện hành vi lừa đảo của Đ thì D đồng ý. Đến 19 giờ 00 cùng ngày 24/4/2012 Đ nói ông Mai Việt H2 và D chờ ở nhà nghỉ, còn Đ và anh T4 (tài xế xe) điều khiển xe container vào thị xã L để bốc hàng thì ông Mai Việt H2 và anh T4 đồng ý. Khi xe đi đến Công ty T8 để bốc hàng thì Đ nói anh T4 ở lại trên xe nghỉ ngơi còn chuyện bốc hàng để Đ lo liệu nhằm mục đích không để phía Công ty T8 phát hiện Đ không phải chủ xe container. Tại đây, Đ sử dụng tên giả là Phạm Quốc K2 để ký hợp đồng vận chuyển 32 tấn mực bạch tuộc (1.600 bao x 20 kg) của Công ty T8 (hợp đồng do Công ty T8 chuẩn bị sẵn từ trước) đi từ thị xã L đến cửa khẩu H3, tỉnh Quảng Ninh và ứng trước số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là chi phí vận chuyển từ bà H1. Đến 23 giờ 00 cùng ngày, sau khi bốc xong 32 tấn mực bạch tuộc lên xe. Đ kêu anh T4 lái xe chạy xe về nhà nghỉ H4 để đón ông Mai Việt H2 và D.

Đến 00 giờ 30 ngày 25/4/2012, T4 điều khiển xe chở hàng mực bạch tuộc đến nhà nghỉ Huỳnh T5 và tất cả cùng lên xe đi hướng về M. Khi xe đi đến thành phố C, tỉnh Khánh Hòa thì Đ đưa cho ông H2 01 bản hợp đồng vận chuyển hàng hóa do Đ chuẩn bị từ trước theo như nội dung thỏa thuận của Đ và ông Mai Việt H2. Nội dung hợp đồng thể hiện Hoàng Tuấn Đ sử dụng tên giả là Lê Văn T6, đại diện của Công ty X (có địa chỉ tại: số E đường H, phường C, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) thuê xe container biển kiểm soát 36C-022.67 của ông Mai Việt H2 vận chuyển 32 tấn mực bạch tuộc từ P đến M với giá 87.000.000 đồng. Đ đưa cho ông Mai Việt H2 ứng trước 20.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ thanh toán sau khi giao hàng xong. Sau đó, Đ và D xuống xe tại đây và mua vé máy bay đi từ sân bay C đến thành phố Hải Phòng trước và chờ xe của H2.

Khi đến Hải Phòng Đ và D cùng thuê khách sạn ở để chờ đón xe container của ông Mai Việt H2. Tại đây, Đ và D cùng bàn bạc thuê xe ô tô để tiện đi lại nên Đ phân công D đi tìm thuê xe ô tô tự lái. D tìm thuê được 01 xe ô tô hiệu Toyota Innova màu bạc (biển số bao nhiêu thì Đ và D không nhớ). Khi xe container của ông H2 ra đến Hải Phòng điện thoại báo cho Đ biết và Đ hẹn ông H2 dừng xe ở cầu Đ thuộc Thành phố Hải Phòng để gặp Đ. Sau đó, D lái xe Innova chở Đ đi ra cầu Đ chờ xe container chở hàng đến. Khoảng 01 giờ 00 sáng ngày 26/4/2012, Đ và D gặp xe container của ông H2 tại cầu Đ và yêu cầu ông H2 mở thùng xe để Đ và D lấy 02 (hai) bao hàng mực bạch tuộc (tương ứng 40kg) bỏ lên xe Innova nhằm mục đích cho khách Trung Quốc xem hàng mẫu. Sau đó, Đ nói ông Mai Việt H2 tiếp tục điều khiển xe đến M để chờ bỏ hàng.

Hoàng Tuấn Đ liên hệ cho chị Đỗ Thị N (sinh năm 1981, HKTT: thôn T, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh) là người quen của Đ làm nghề buôn bán hàng ở thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để nhờ chị N tìm khách Trung Quốc mua số hàng trên. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 26/4/2012, khi xe của ông H2 đến cửa khẩu C2, thành phố M thì Đ gọi điện thoại cho ông H2 để yêu cầu ông H2 dừng xe mở thùng container lấy 01 bao mực bạch tuộc (20kg) đưa cho chị N lấy mẫu hàng để đưa cho khách xem. Trong thời gian này, Hoàng Tuấn Đ liên lạc được một người Trung Quốc tên L1 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) để bán hàng, sau đó Đ trực tiếp trao đổi thống nhất giá bán, thời gian, địa điểm giao, nhận hàng. Qua ngày hôm sau, Đ và D đứng trên bờ sông giáp ranh với biên giới Trung Quốc tại cửa khẩu C2 nhìn thấy 32 tấn mực bạch tuộc của Công ty T8 được bốc từ xe container xuống 04 tàu cá: QN 5026, QN 3378, QN 0918, QN 0919 do ông Lê Văn T7 (sinh năm 1964, HKTT: xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) là chủ tàu để vận chuyển qua sông và tập kết trả hàng tại bến G Nhãn thuộc thị xã Đ, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Sau đó, Đ và D cùng đi sang Trung Quốc gặp người tên L1 và cùng nhau ăn uống tại phòng trọ của L1. Khi ăn xong, D đi ra ngoài đợi, còn Đ và L1 ở trong phòng trọ nói chuyện thỏa thuận giá cả với nhau và thống nhất bán số hàng trên cho L1. Khoảng 01 giờ sau, Đ cầm 01 (một) bịch tiền Trung Quốc được đựng trong gói nylon màu đen đi ra khỏi phòng trọ của L1 và cùng D đi về lại Việt Nam và tìm nơi đổi từ tiền Trung Quốc sang tiền Việt Nam được khoảng 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng). D lái xe chở Đ về lại nhà nghỉ tại Hải Phòng và cùng chia nhau tiền bán lô hàng mực bạch tuộc của Công ty T8. Đ và D thống nhất trừ hết chi phí đi lại, ăn uống, sinh hoạt khoảng 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), Đ chia cho D 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), phần còn lại Điệp giữ và tiêu xài hết.

Đối với ông Mai Việt H2, sau khi ông H2 đã trả hàng cho Hoàng Tuấn Đ thì Đ nói đang ở Trung Quốc để chờ lấy tiền nên nói ông H2 đi rửa xe rồi chờ Đ ở bãi bê tông ở cạnh cửa khẩu C2 thì ông H2 đồng ý. Sau khi chờ lâu không thấy Đ liên lạc lại nên ông H2 tiếp tục gọi điện cho Đ thì Đ nói dối với ông H2 tiếp tục chờ đến sáng hôm sau bốc hàng chở vào S cho Đ rồi sẽ thanh toán tiền luôn một lần.

Đến 05 giờ 00 sáng ngày 29/4/2012, Hoàng Tuấn Đ sử dụng số điện thoại 0948.030.469 nhắn tin cho ông H2 điều khiển xe xuống bến xe H (cách cửa khẩu C2 30km theo hướng từ B vào N) để bốc hàng, có Đ đang chờ ở đó. Nhưng khi ông Mai Việt H2 đến nơi thì không liên lạc được với Đ nên biết mình đã bị Đ lừa. Ông

H2 và anh T4 bắt xe khách lên lại thành phố M và đến địa chỉ của Công ty X (có địa chỉ tại số E đường H, phường C, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh) theo như hợp đồng thuê xe giữa Đ và ông H2 để tìm nhưng khi đến nơi thì phát hiện không có địa chỉ trên. Sau đó, ông H2 quay về lại cửa khẩu C2 để tìm gặp ông Lê Văn T7 (là người đã nhận hàng từ xe để bốc lên 04 tàu) hỏi về Đ thì ông T7 nói không biết "Trường" là ai, ông T7 chỉ làm việc với các thương lái người Trung Quốc. Vì vậy, Đ còn nợ tiền thuê xe của ông Mai Việt H2 là 67.000.000 đồng (sáu mươi bảy triệu đồng). Ông Mai Việt H2 yêu cầu Hoàng Tuấn Đ phải hoàn trả số tiền 67.000.000 đồng còn nợ tiền thuê xe cho ông H2.

Đối với Công ty T8, sau khi xe container bốc hàng rời khỏi Công ty đến ngày giao hàng cho khách nhưng chưa nhận được nên ngày 27/4/2012, bà Phạm Thị H1 điện thoại cho Đ hỏi sao chưa chuyển được hàng cho khách thì Đ nói dối xe bị hư đang sửa nên không giao hàng kịp đúng thời gian. Đồng thời, yêu cầu bà H1 cho Đ ứng thêm 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) để sửa xe thì bà H1 đồng ý. Sau đó, Đ mượn số tài khoản 0551000105594, Ngân hàng N1 chi nhánh H5 của chị Đỗ Thị N để bà H1 chuyển số tiền 7.000.000 đồng theo yêu cầu của Đ. Đến sáng ngày 29/4/2012, bà LIU BI ZHEN là khách mua hàng của Công ty T8 tại cửa khẩu không nhận được hàng và cũng không liên lạc được với nhà xe vận chuyển (Hoàng Tuấn Đ) nên đã gọi báo cho bà H1 biết. Đến ngày 30/4/2012, bà L2 BI ZHEN cho người vào Thanh Hóa tìm chủ xe biển số 36C-022.67 thì gặp anh Mai Việt H2 và phát hiện toàn bộ sự việc Công ty T8 đã bị Hoàng Tuấn Đ thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt 32 tấn hàng mực bạch tuộc đông lạnh cùng các lần ứng tiền vận chuyển nên bà H1 đã đến trình báo Công an. Bà H1 yêu cầu các bị cáo Hoàng Tuấn Đ và Phạm Đức D phải bồi thường số tiền 5.982.267.000 đồng (năm tỷ chín trăm tám mươi hai triệu hai trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

Ngày 18/6/2012, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã L, tỉnh Bình Thuận ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản 32 tấn mực bạch tuộc mà Công ty T8 bị chiếm đoạt. Ngày 21/6/2012, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L xác định giá mực bạch tuộc (cỡ loại 10-50gr) tại thời điểm ngày 24/4/2012 là: 56.000 đồng/kg. Tổng giá trị tài sản mực bạch tuộc bị chiếm đoạt theo hợp đồng trị giá: 32.000 kg x 56.000 đồng = 1.792.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Ngày 10/6/2013, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã đối với bị cáo Hoàng Tuấn Đ. Trong thời gian trốn truy nã, bị can Hoàng Tuấn Đ đã sử dụng tên giả là Phạm Quốc K2 để thực hiện hành vi phạm tội và Ngày 18/3/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 01 (một) năm 6 (sáu) tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 199/2015/HSST. Ngày 01/11/2016, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Ngày 25/10/2021, bị Tòa án nhân dân Q1, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 02 (hai) năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 59/2021/HSST. Ngày 31/5/2024, Cơ quan điều tra Công an Thành phố H quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự và quyết định phục hồi điều tra đối với bị can Hoàng Tuấn Đ.

Ngày 08/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B ra Quyết định trưng cầu giám định dấu vân tay giám định Hoàng Tuấn Đ và Phạm Quốc K2 có

phải là cùng một người hay không? Ngày 14/8/2024, Phòng K3 Công an tỉnh B ban hành Kết luận số: 966/KL-KTHS kết luận: Vân tay của người có tên Phạm Quốc K2 trên các tài liệu cần giám định (nêu tại mục II.1) so với dấu vân tay Hoàng Tuấn Đ in trên tài liệu mẫu so sánh (nêu tại mục II.2) là vân tay của cùng một người.

Ngày 11/9/2024, cơ quan điều tra đã quyết định khởi tố Phạm Đức D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Quá trình điều tra Phạm Đức D đã khai nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên khi nhận Cáo trạng và tại phiên toà sơ thẩm bị cáo D đều kêu oan cho rằng không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại Bản kết luận điều tra vụ án hình sự số: 106/KL-CSHS ngày 25/9/2024 của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đề nghị truy tố Hoàng Tuấn Đ và Phạm Đức D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tại Bản cáo trạng số: 39/CT-VKSBT-P1 ngày 05 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, đã truy tố để xét xử đối với các bị cáo Hoàng Tuấn Điệp và Phạm Đức D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 21/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng) đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức D phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đức D 14 (mười bốn) năm về tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù được tính từ ngày 17/8/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Đức D có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo Hoàng Tuấn Đ bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 số tiền 1.792.000.000 đồng, chia phần bị cáo Phạm Đức D phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 số tiền 358.400.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về trách nhiệm dân sự của bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/4/2025, bị cáo Phạm Đức D có đơn kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" như bản án sơ thẩm đã tuyên. Số tiền 120 triệu đồng không phải ăn chia với bị cáo Đ mà do bị cáo mượn tiền của Đ. Ngoài ra, trong quá trình điều tra bị cáo bị ép cung, mớm cung đe doạ chửi mắng rất nhiều. Do đó, yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Đức D khai nhận qua thời gian tạm giam bị cáo suy nghĩ và thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên xử là không oan, bị cáo phạm tội vì giúp sức cho bị cáo Hoàng Tuấn Đ như bản án sơ thẩm đã quy kết là đúng. Bị cáo xin thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo được sớm trở về làm công dân có ích cho xã hội. Bản thân bị cáo đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng danh hiệu chiến sĩ giỏi, có cha ruột là người có công

trong kháng chiến được tặng thưởng huân chương, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại Công ty T8 số tiền 358.400.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Đức D làm trong hạn luật định, hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Đức D: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Đức D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản án đã quy kết, bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt. Nhưng bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo D, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Phạm Đức D.

Luật sư Bùi Quang C1 và Luật sư Nguyễn Hồng K bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức D đã nhìn nhận lỗi lầm của mình nên thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bản thân bị cáo có thành tích trong khi thực hiện nghĩa vụ quân sự được tặng danh hiệu chiến sĩ giỏi, bị cáo có cha ruột được tặng thưởng huân chương, huy chương, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có hai còn nhỏ. Bị cáo có thể hiện sự tự nguyện bồi thường cho người bị hại. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Đức D đảm bảo đúng hình thức và trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Trong quá trình điều tra vụ án, Phạm Đức D đều đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Tại các buổi ghi lời khai, đối chất giữa các bị can, cơ quan điều tra đã ghi âm, ghi hình buổi làm việc và có Kiểm sát viên tham gia kiểm sát bị cáo không kêu oan, không phản ánh việc bị ép cung, nhục hình.

[3] Tại các biên bản ghi lời khai ngày 10/8/2024 (BL 219-220); bản tự khai ngày 10/8/2024 (BL 221-222); biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2024 (BL 223-224); bản tự khai ngày 11/8/2024 (BL 225); Biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2024 (BL 228-230) có Kiểm sát chứng kiến; Bản tự khai ngày 15/8/2024 (BL 231); Biên bản lấy lời khai ngày 19/9/2024 (BL 235-237) có Kiểm sát viên chứng kiến; Biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2024 (BL 228-230) có Kiểm sát viên và người bào chữa chứng kiến, bị cáo Phạm Đức D thừa nhận do đang bị thất nghiệp không có việc làm, không có tiền tiêu xài nên khi nghe Đ điện thoại rũ D đi lừa lấy hàng bán lấy tiền tiêu xài thì D đã đồng ý. Sau đó, Hoàng Tuấn Đ đã mua vé máy bay cho D đi từ Hải Phòng vào Thành phố Hồ Chí Minh để đi cùng với Đ lấy hàng tại Công ty T8 sau đó bán cho người Trung Quốc và D được Đ chia số tiền 120.000.000 đồng;

Biên bản ghi lời khai ngày 08/02/2025 (BL 466) có sự chứng kiến của Kiểm sát viên Phạm Đức D cũng đã khai: *"...Trong các buổi làm việc, cơ quan đều cho tôi đọc lại các nội dung biên bản rồi thống nhất với nội dung làm việc, các biên bản đều đúng với nội dung tôi khai báo, sau đó tôi mới ký vào biên bản*"; tại biên bản ngày 10/02/2025 có sự chứng kiến của luật sư và Kiểm sát viên, bị cáo D khai: *"Những bản tường trình là do tôi tự nguyện khai ra, khi viết bản tường trình thì do tôi tự nguyện viết, không ai ép tôi cả...tôi biết là Đ khai tên giả cho tôi và Đ nhưng không biết Đ dùng tên giả là tên gì";*

Đồng thời Tại tờ tường trình ngày 21/8/2014 (BL 181-182) bị cáo Đ khai: *"...Đ điện thoại cho D rủ đã nói lấy hàng của người khác bán lấy tiền tiêu xài, D đồng ý nên Đ đặt vé may bay cho D vào và cùng đi xe để đi chở hàng...khi xe chở hàng tới Hải Phòng Đ và D lấy mẫu cho chủ hàng xem và bán hàng cho người Trung Quốc, sau khi đổi tiền Trung Quốc được khoảng 600 triệu, D1 cho D 120 triệu...tôi đã ăn ăn hối hận về hành vi trên của tôi..."*;

Tại biên bản nhận dạng ngày 24/6/2024 (BL 183-184) Điệp xác định người đàn ông (tấm ảnh số 4) chính là Phạm Đức D là người đã cùng với Đ lừa lấy container hàng ở L tỉnh Bình Thuận vào năm 2012 đem bán cho người Trung Quốc; tại biên bản đối chất ngày 16/82024 (BL 186-188) có Kiểm sát viên chứng kiến Đ và D đều thừa nhận hành vi phạm tội. Mặt khác, tại biên bản giao nhận kết luận điều tra ngày 26/9/2024, Phạm Đức D có ý kiến "*Không đồng ý tình tiết tăng nặng là lừa chủ xe container vì xe do Đ thuê và Đ sẽ trả tiền xe chứ tôi không liên quan gì với chiếc xe với tình tiết tăng nặng này. Còn lại tôi đồng ý với bản kết luận điều tra"* (BL 400).

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đức D tại cơ quan điều tra và lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo Đ, của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ các định: Bị cáo Phạm Đức D cùng với bị cáo Hoàng Tuấn Đ thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản là mực, bạch tuộc đông lạnh của Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 sau đó đem bán cho người Trung Quốc. Tại kết luận định giá tài sản ngày 21/6/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L tỉnh Bình Thuận xác định: Tổng giá trị tài sản mực bạch tuộc bị chiếm đoạt theo hợp đồng trị giá: 32.000 kg x 56.000 đồng = 1.792.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng).

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo Phạm Đức D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Đức D là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây tác động xấu đến trật tự, an toàn xã hội nên cần phải xử phạt nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân bị cáo vào năm 2017 bị cáo bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma tuý, bị cáo đã chấp hành xong. Quá trình điều tra và tại phiên toà phúc thẩm bị cáo D có thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Xét bản thân bị cáo đã có thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự l và là chiến sĩ hải

quân từ năm 1998 đến năm 2001 được chứng nhận danh hiệu chiến sĩ giỏi năm 2000, năm 2001. Bị cáo có cha ruột ông Phạm Đức T1 được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất; Huân chương chiến công hạng nhất. Hoàn cảnh gia đình bị cáo có hai con còn nhỏ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm hình phạt là có căn cứ.

Nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Phạm Đức D là có căn cứ, đúng pháp luật và có đảm bảo tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đồng ý có trách nhiệm liên đới với bị cáo Đ để bồi thường cho Công ty T8 số tiền 1.792.000.000 đồng được chia theo phần, bị cáo D có trách nhiệm bồi thường 358.400.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối bị cáo là chưa phù hợp với nhận định trên.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Đức D kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về trách nhiệm dân sự của bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Đức D xin giảm nhẹ hình phạt.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2025/HS-ST ngày 21/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (nay là Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng) về hình phạt đối với bị cáo Phạm Đức D:

2.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Đức D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 57, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức D 13 (mười ba) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/8/2025. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

2.3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Đức D có trách nhiệm liên đới với bị cáo Hoàng Tuấn Đ để bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T8 số tiền

1.792.000.000 đồng được chia theo phần, bị cáo Phạm Đức D có trách nhiệm bồi thường 358.400.000 đồng (ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Đức D không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về trách nhiệm dân sự của bị cáo Hoàng Tuấn Đ; về lãi suất chậm thi hành án; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)